

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2021/DS-PT

Ngày: 04 - 11 - 2021

V/v tranh chấp  
“Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Hiệp

*Các Thẩm phán:*

Bà Lê Thị Hồng Tâm.

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thanh Liêm - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2021/TLPT-DS ngày 10 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 36/2021/DS-ST ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 162/2021/QĐ-PT ngày 17 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị Đ (Ba V), sinh năm: 1954;

Địa chỉ: ấp Bình H, xã Long B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Chị Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp Đăng P, xã Đăng H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Thành P, sinh năm 1979;

Chị Lưu Thị Minh H, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: ấp Tân T, xã Xuân Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* bị đơn Đỗ Thành P.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:*

Ngày 10/9/2016, bà Đ có cho vợ chồng chị Lưu Thị Minh H và anh Đỗ Thành P mượn số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng, mục đích vay là mua bán vật liệu xây dựng. Khi mượn tiền, chị H tự tay viết giấy mượn tiền và chị H cùng anh P ký tên vào giấy mượn tiền. Từ khi mượn tiền của bà Đ đến nay thì chị H và anh P chỉ trả tiền lãi cho bà Đ được 5 tháng (5 tháng tiền lãi mà chị H, anh P đã đóng là 15.000.000 đồng) thì không tiếp tục trả lãi nữa. Bà Đ đã nhiều lần yêu cầu chị H và anh P trả lại cho bà số tiền nợ 100.000.000 đồng nhưng đến nay chị H anh P vẫn không thực hiện trả.

Do đó, nay bà Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị H, anh P có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền nợ là 100.000.000 đồng, bà Đ yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đỗ Thành P trình bày:*

Hiện nay anh và chị H đã ly hôn từ cuối năm 2018. Đối với biên nhận nợ ngày 10/9/2016 thì anh không thừa nhận chữ ký “Đỗ Thành P” là của anh. Nhưng anh biết biên nhận này là do chị H viết, chữ ký trong biên nhận là của vợ anh Lưu Thị Minh H.

Trong thời gian sống chung năm 2016 vợ chồng anh có kinh doanh vật liệu xây dựng, vợ anh là người đứng ra trực tiếp kinh doanh vật liệu xây dựng, anh là người hỗ trợ phụ giúp trong việc kinh doanh (chẳng hạn như làm tài xế chở vật liệu, lên xuống hàng hóa, giao hàng cho khách...) nên chị H mượn bà Đ là việc của chị H, anh không liên quan và anh không đồng ý cùng chị H trả số tiền nợ 100.000.000 đồng.

Trong thời gian sống chung hợp pháp, bà Đ (tên thường gọi là bà Ba V) có đến nhà anh để nhận tiền lãi, anh có biết về vấn đề này, còn việc chị H mượn bà Đ bao nhiêu thì anh không biết.

Do hiện nay chị H đã đi làm việc ở Đồng N, anh không liên lạc được. Nếu chị H về đồng ý trả số nợ 100.000.000 đồng này thì anh mới đồng ý cùng chị H trả nợ cho bà Đ.

Anh không thừa nhận chữ ký trong biên nhận ngày 10/9/2016 là của anh và anh cũng không yêu cầu giám định chữ ký.

*\* Bị đơn chị Lưu Thị Minh H vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ và không có bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.*

Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2021/DS-ST ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng:

- Điều 147, Điều 228 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### ***Xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Đ đối với chị Lưu Thị Minh H và anh Đỗ Thành P.

Buộc chị Lưu Thị Minh H và anh Đỗ Thành P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lâm Thị Đ số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

Chị Lưu Thị Minh H và anh Đỗ Thành P phải chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bà Lâm Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Lưu Thị Minh H và anh Đỗ Thành P chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

\* Ngày 25 tháng 02 năm 2021 bị đơn anh Đỗ Thành P có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý cùng chị Lưu Thị Minh H trả nợ cho bà Đ vì anh P cho rằng đó là nợ riêng của chị H, không liên quan đến anh.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự trình bày, tranh luận:

- Nguyên đơn bà Lâm Thị Đ (người đại diện theo ủy quyền chị Nguyễn Thị Huỳnh N) trình bày tiếp tục giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ y bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã xét xử.

- Bị đơn anh Đỗ Thành P giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không buộc ông liên đới cùng chị H trả nợ cho bà Đ, anh cho rằng số tiền nợ bà Đ là tiền nợ riêng của chị H không liên quan đến anh.

- Bị đơn chị Lưu Thị Minh H đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, áp dụng khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo nội dung đã kháng cáo. Xét thấy việc vay mượn nợ của chị H tại thời điểm còn tồn tại hôn nhân hợp pháp với anh P, việc vay mượn tiền sử dụng vào mục đích kinh doanh bán vật liệu xây dựng, nên có cơ sở xác định đây là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, anh P phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cùng với chị H. Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh P liên đới thực hiện hiện nghĩa vụ thanh toán nợ với chị H là có căn cứ đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn và giữ y bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn chị Lưu Thị Minh H đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, áp dụng Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Lưu Thị Minh H.

[2] Xét nội dung đơn và nội dung kháng cáo của bị đơn anh Đỗ Thanh P không đồng ý cùng chị H trả nợ cho bà Đ vì đó là nợ riêng của chị Lưu Thị Minh H không liên quan đến anh P, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

2.1. Xác định về nghĩa vụ liên đới theo quy định tại Điều 288 Bộ luật Dân sự 2015 và những chứng cứ, tài liệu, lời khai của nguyên đơn, bị đơn thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy.

- Anh P và chị H kết hôn từ năm 2006 và sống chung với nhau, đến năm 2016 chị H mở cửa hàng kinh doanh vật liệu xây dựng tại nhà, cho đến ngày 06/6/2019 anh P và chị H thuận tình ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 283/2019/QĐST-HNGĐ trong nội dung quyết định thể hiện tài sản chung, nợ chung chị H và anh P thống nhất không có.

- Đối với biên nhận mượn tiền của chị H thể hiện thời gian mượn tiền vào ngày 10/9/2016, tại thời điểm này anh P, chị H chưa ly hôn, sống chung và kinh doanh vật liệu xây dựng chung.

- Tại biên bản hòa giải (BL36) anh P khai nhận anh và chị H trong thời gian chung sống đến năm 2016, vợ chồng có kinh doanh vật liệu xây dựng, chị H là người kinh doanh vật liệu xây dựng, anh P là người hỗ trợ giúp trong việc kinh doanh như làm tài xế chở vật liệu, lên xuống hàng hóa, giao hàng cho khách...

- Anh P cũng thừa nhận biên nhận mượn tiền của bà Đ với số tiền 100.000.000 đồng là do chị H vợ anh viết và ký tên, anh không thừa nhận chữ ký “chồng ký” Đỗ Thành P là của anh, tại cấp sơ thẩm anh không yêu cầu giám định.

2.2. Từ những căn cứ trên có cơ sở xác định chị H vợ anh P đã vay mượn tiền của bà Đ trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp, anh P biết và cũng thừa nhận chữ viết, chữ ký là của chị H vợ anh. Do đó, có căn cứ xác định đây là nợ chung phát sinh trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp giữa anh P và chị H. Bởi vì, trách nhiệm, nghĩa vụ vợ, chồng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với các giao dịch do một bên thực hiện hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình, hoạt động kinh doanh, duy trì phát triển khối tài sản chung theo quy định tại các điều 27, 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân

và gia đình năm 2014. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị đơn cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì khác để chứng minh yêu cầu kháng cáo của mình để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

[3] Do đó, có căn cứ xác định chị H có vay mượn của nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng, việc vay mượn phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, để kinh doanh vật liệu xây dựng, do không có thỏa thuận nghĩa vụ thanh toán nợ nào khác đối với khoản tiền vay nói trên, khi phát sinh nghĩa vụ thanh toán nợ anh P phải có nghĩa vụ liên đới cùng với chị H thanh toán số tiền vay nợ như nguyên đơn yêu cầu khởi kiện là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

Nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Tòa án cấp sơ xét xử có căn cứ đúng pháp luật, cần giữ y bản án sơ thẩm số: 36/2021/DS-ST ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Đỗ Thanh P không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Thành P.

Giữ y Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2021/DS-ST ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 27, 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Đ đối với chị Lưu Thị Minh H và anh Đỗ Thành P.

Buộc chị Lưu Thị Minh H và anh Đỗ Thành P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lâm Thị Đ số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lưu Thị Minh H và anh Đỗ Thành P phải chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

## 2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Đỗ Thành P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0004686 ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên đã thực hiện xong phần án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày bà Lâm Thị Đ có đơn yêu cầu gửi cơ quan thi hành án, nếu bị đơn chị Lưu Thị Minh H và anh Đỗ Thành P chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Công bố bản án trên cổng TTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- DSPT-2021-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hoàng Hiệp**